TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số 07/2018/DS-PT
Ngày 26/4/2018
V/v tranh chấp Quyền sử dụng lối đi. Bồi thường thiệt hại tải sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Quàng Văn Liêm.

Các Thẩm phán: Ông: Nguyễn Văn Thắng.

Bà: Lò Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Huế, thư ký - Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:

Bà: Triệu Thị Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLDS-PT ngày 24 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng lối đi chung. Bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐDS-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 05/2018/QĐ-PT ngày 27/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H** (tên khác: **Trần Thị M**) - sinh năm 1962.

Địa chỉ: Nhà số A, Tổ dân phố Y, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S** - sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà C, tổ dân phố Y, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Hoàng Liên X** - sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số nhà D, tổ dân phố J, phường B, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3.2. Ông **Nguyễn Xuân B** - sinh năm 1952.

Địa chỉ: Đội E, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

3.3. **Ủy ban nhân dân phường T1,** thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố F, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo pháp luật - Bà Nguyễn Thị O; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4. **Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên**.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố G, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T; chức vụ: Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. **Người làm chứng**:

Ông **Phạm Tiến M** - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà I, tổ dân phố số N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H (Trần Thị M) trình bày:

Năm 2001 Bà H nhận khoán đất trồng cafe của Công ty cây công nghiệp tỉnh Điện Biên với diện tích 3.300m^2, thời hạn sử dụng đất là 50 năm. Bà H nhận lại đất và tài sản trên đất của ông Phạm Tiến M. Ông M không sử dụng trả lại đất cho Công ty nên bà H đã nhận lại nguyên trạng toàn bộ phần đất cafe của ông M; khi nhận đất đã có lối đi cùng với gia đình bà S. Bà sử dụng lối đi từ năm 2001 đến năm 2007 thì chuyển sang đi nhờ đường bê tông đơn vị bộ đội R. Đến tháng 01/2017, bộ đội không cho đi nhờ đường bê tông nữa. Bà Quay sang đi lối cũ thì Bà S đã xây tường ngăn và trồng cây lên diện tích đường đi. Bà đã sang trao đổi nhưng bà S không nhất trí mở lối đi cho bà H. Lối đi của Bà và bà S đã được xác định trên tờ bản đồ năm 1996 của Phòng tài nguyên môi trường. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án buộc bà S phải tháo dỡ tường rào, mở lại lối đi cho gia đình Bà H theo lối đi cũ tại tổ Y, phường T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị H bổ sung yêu cầu buộc bà S tháo dỡ cổng lắp vào khoảng tháng 8/2017 ở đoạn lối đi đầu ngõ giáp đường nhựa và nhà ông X.

Trong bản tự khai ngày 09/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Tôi không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với các lý do sau đây: Gia đình tôi nhận hợp đồng giao khoán đất của Xí nghiệp cây công nghiệp từ ngày

15/7/1995 với diện tích đất trồng cafe là 0,27ha, diện tích đất trồng màu, ngô hai vụ là 0,136 ha. Hợp đồng do ông TN giám đốc ký bên giao và ông Hoàng Liên X là chủ hộ ký bên nhận, kèm theo sổ giao khoán và các giấy tờ liên quan. Tại thời điểm đó cùng nhận đất trồng cafe liền kề với đất gia đình tôi được nhận có hộ ông Nguyễn Xuân B, ranh giới giữa hai gia đình nhận đất là 01 rãnh cây cafe làm mốc và không có lối đi nào khác. Lối đi hiện nay đang tranh chấp với bà H được hình thành từ năm 1996 do ông Phạm Tiến M (hộ liền kề) mượn đất của gia đình tôi để làm lối đi trở phân, cây giống vào đất của ông M ở phía trong. Khi ông M chuyển giao đất lại cho bà H không nói rõ về nguồn gốc lối đi nên đến nay hai bên xảy ra tranh chấp. Đường đi đó nằm trên diện tích đất của tôi và ông X theo quyết định ly hôn mà Tòa án nhân dân Thành phố Đ đã công nhận cho tôi (Quyết định CNTTLH số 23 ngày 14/11/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Đ). Tôi khẳng định lối đi mà bà H yêu cầu mở thuộc đất của tôi và ông X đã nhận khoán với Xí nghiệp cây công nghiệp không phải lối đi chung.

Đến Ngày 08/8/2017 bà Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu Tòa án thụ lý bổ sung đề nghị giải quyết những vấn đề sau:

1. Đề nghị bà Trần Thị H phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền: 3.876.000 đồng thiệt hại do bà H đập tường rào, chặt , phá cây bà S đã trồng trên diện tích đất bà H cho là lối đi chung.

2. Đề nghị thẩm định lối đi có hàng nhãn của gia đình bà Trần Thị H; phía Tây giáp tường bao đường của Doanh trại quân đội R; phía Đông giáp tường bao vườn ươm của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên để mở lối đi cho nhà bà H theo vị trí này.

3. Đề nghị làm rõ phần diện tích đất nhà ông B ráp gianh với đất nhà bà S đã cùng nhau bỏ ra mỗi nhà một hàng cây cafe vào năm 1996 để tạo thành lối đi vào vườn của hai nhà ông B và bà S, sau đó cho gia đình ông M đi nhờ. Khi trả lại đất khoán ông B đã lấy lại diện tích đất này. Đến nay gia đình bà S và ông Hoàng Liên X đã thống nhất tự mở con đường rộng 4m để thuận lợi cho việc đi lại.

4. Đề nghị làm rõ việc lập sơ đồ địa chính năm 1997, sơ đồ này được lập sau khi gia đình bà S nhận khoán đất hai năm. Khi địa chính lập chưa nắm rõ nguồn gốc lịch sử đất và tham khảo ý kiến của các hộ gia đình để xác định cụ thể, để tiến hành đo đạc thực tế. Mà đã tiến hành vẽ lối đi chung trên diện tích đất của gia đình bà S thành lối đi chung cho gia đình bà H đi qua đó là việc làm chưa đúng, dẫn đến thiệt hại cho gia đình bà S. Nếu việc lập sơ đồ địa chính năm 1997 được tiến hành trình tự có sự chứng kiến của các hộ có đất thì ngay tại thời điểm bản đồ đưa ra vẽ chính xác, không để lại hậu quả thành việc tranh chấp lối đi như hiện nay. Bà S cho rằng phía Công ty cổ phần chế biên Nông sản Điện Biên không có bất cứ văn bản nào thể hiện việc thu hồi đất nhà bà S làm lối đi chung, do vậy bà S không nhất trí mở lối đi bà đang sử dụng thành lối đi chung theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2017 bà S đã rút yêu cầu (Đề nghị làm rõ việc lập sơ đồ địa chính năm 1997) và được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết do đương sự rút đơn yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Liên X trong quá trình giải quyết trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị S. Năm 1996 ông M mượn đất của gia đình tôi và gia đình ông B mỗi gia đình một hàng cafe để làm lối đi vào đất của ông M ở phía sau. Sau này ông B làm tường bao bằng lưới sắt B40 thì ông B đã lấy lại phần đất đã cho ông M mượn, còn gia đình tôi vẫn để lối đi như trước. Nay bà H khởi kiện đòi lối đi tôi đề nghị Tòa án triệu tập ông Phạm Tiến M và ông Nguyễn Xuân B đến Tòa án để làm rõ nguồn gốc lối đi đồng thời đề nghị Tòa án xuống xem xét thực địa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân B trong quá trình giải quyết trình bày: Vào năm 1996 tôi có nhận đất của Xí nghiệp cây công nghiệp tỉnh Điện Biên tại lô đất cánh quạt gồm có 6000m^2 gần Sân bay Điện Biên Phủ, 1 bên giáp đất của ông X bà S, 1 bên giáp đất bà Q, 1 bên giáp vườn ươm, 1 bên giáp đường chính. Trong quá trình sản xuất trồng cây cafe phía trong từ đường đi vào vườn ươm không có đường đi vào. Sau đó Xí nghiệp có ý kiến đến hai hộ tôi và ông X có nhượng ra một phần đất, mỗi bên một hàng cafe khoảng 2m để làm đường đi vào trong vườn ươm, chúng tôi đồng ý. Cách đây 10 năm gia đình tôi không có lao động làm tôi đã trả lại phần đất đúng hiện trạng khi tôi được nhận giao khoán cho Xí nghiệp cây công nghiệp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên trong quá trình giải quyết trình bày:

Xí nghiệp cây công nghiệp Điện Biên giao khoán đất thuộc xí nghiệp quản lý cho các hộ sản xuất để trồng cây lâu năm và cây hàng năm, trên địa bàn xã L, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (cũ) từ năm 1994, 1995 và 1996, trong đó có lô đất giao cho hộ ông Hoàng Liên X, việc đo giao đất trên thực địa và sử dụng thước sào, thước dây kéo tay. Đến năm 1997 Sở địa chính Lai Châu (cũ) mới ban hành tờ bản đồ địa chính số 313C, trên bản đồ, tại khu vực lô đất Xí nghiệp giao cho ông Hoàng Liên X và các hộ sản xuất xung quanh đã có thể hiện con đường đi để phục vụ sản xuất của các hộ trong khu vực (con đường bao dọc cạnh phía nam và phía tây lô đất đã giao cho hộ ông Hoàng Liên X). Như vậy, xác định con đường này đã có trên thực địa trước khi Sở địa chính Lai Châu (cũ) tiến hành đo đạc giải thửa và lập tờ bản đồ địa chính 313C.

Năm 2000 ông Hoàng Liên X đã thống nhất thỏa thuận và ký các hợp đồng khoán với Công ty cây công nghiệp. Như vậy, ông X đã thừa nhận toàn bộ diện tích đất Công ty đã giao vị trí khu vực đó 2.600m^2 (diện tích này tương đương với diện tích tại thửa số 55d tờ bản đồ số 313C là 2.600m^2). Công ty không có ý kiến về diện tích đã bị thu hồi phía đối diện qua đường nhựa (cũ). Trong quá trình Công ty theo dõi quản lý đất đai đối với hộ ông X từ năm 2000 cho tới 2014 bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Đ quản lý, luôn được cập nhập việc giảm diện tích giao khoán, giảm diện tích thu nghĩa vụ tương đương mỗi khi có Dự án thu hồi đất, đồng thời cũng cập nhật việc tăng diện tích khi có bản đồ địa chính mới (2013), đo

bao tổng diện tích cho hộ ông X đang sử dụng nhằm bảo đảm quyền lợi cho các hộ sản xuất khi bàn giao về địa phương, trong trường hợp này Công ty không tăng thu nghĩa vụ trên diện tích tăng tương ứng mà vẫn duy trì thu nghĩa vụ với diện tích Công ty đang theo dõi giao khoán.

Công ty xác định chỉ tính thu nghĩa vụ khoán của hộ sản xuất nói chung, hộ ông X nói riêng, đúng diện tích đã ghi trên hợp đồng giao khoán (có thể hiện trên hợp đồng giao nộp nghĩa vụ khoán được ký kết giữa 2 bên và danh sách thu nghĩa vụ hàng năm của đội sản xuất) đương nhiên Công ty có giảm trừ phần thu nghĩa vụ khoán trên phần diện tích đất tương ứng khi diện tích đất đó bị thu hồi.

Theo số liệu bản đồ địa chính khu đất thu hồi Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên, bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Đ tại địa bàn phường T1 tại tờ số 01 năm 2013 vẫn có thể hiện rõ có con đường đi phục vụ sản xuất cho các hộ trong khu vực, tương ứng với con đường đi cũng tại vị trí này đã được thể hiện trên bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (cũ), tờ số 313C do Sở địa chính Lai Châu (cũ) ban hành. Như vậy, Công ty xác định con đường này đang được sử dụng phục vụ sản xuất liên quan trong khu vực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T1 trong quá trình giải quyết trình bày:

Căn cứ theo tài liệu (bản đồ năm 1997) tại tờ bản đồ 313-c năm 1997 do Sở địa chính tỉnh Lai Châu (cũ) ban hành phía Nam thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị S và ông Hoàng Liên X thể hiện có đường đi và tại tờ bản đồ số 1 đo đạc năm 2010 cũng như trích lục bản đồ khu đất thu hồi của Công ty bàn giao cho UBND thành phố và giao lại cho phường T1 quản lý, trích lục năm 2013 có thể hiện đường đi.

Người làm chứng ông Phạm Tiến M trong quá trình giải quyết trình bày:

Tôi nguyên là phó giám đốc Nông trường quốc doanh Điện Biên, sau đó chuyển đổi tên thành Xí nghiệp cây công nghiệp Điện Biên.

Tôi là Phó giám đốc phụ trách mảng đất đai và là người trực tiếp đo đất, giao đất cho các hộ gia đình nhận khoán đất trồng cà phê ở khu vực lô cánh quạt thuộc tổ dân phố Y, phường T1, thành phố Đ; trong đó có đo đất, giao đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn B, hộ gia đình ông Hoàng Liên X và bà Nguyễn Thị S.

Năm 1996 tôi có nhận khoán đất trồng cà phê ở khu vực này, đất của tôi ở phía trong có một phần tiếp giáp với đất của ông Vũ Đức M và ông Hoàng Liên X, bà Nguyễn Thị S. Đến năm 2001, tôi trả lại đất cho Xí nghiệp cây công nghiệp và bà Trần Thị H nhận khoán lại toàn bộ phần đất của tôi cùng với công trình và cây hoa màu trên đất.

Đường đi rộng 3 mét, dài khoảng 200 mét từ đường nhựa vào tới tường bao vườn ươm của Xí nghiệp cây công nghiệp (tổ dân phố Y, phường T1) được hình thành từ năm 1996 đến nay; tính theo chiều đi vào thì bên trái đường tiếp giáp với đất của hộ ông Nguyễn Văn B, bên phải tiếp giáp với đất của hộ ông Hoàng Liên X và bà Nguyễn Thị S, cuối con đường tiếp giáp với tường bao của vườn ươm và đất bà S. Sau khi Xí nghiệp cây công nghiệp Điện Biên giao đất

cho tôi và ông Minh ở phía trong, do không có đường đi vào nên tôi đã thống nhất với gia đình ông B và ông X điều chỉnh lại diện tích đất đã giao khoán cho ông B và ông X để làm con đường chung cho các hộ nhận khoán tại khu vực đó; việc điều chỉnh diện tích đất để mở đường đã được Xí nghiệp cây công nghiệp Điện Biên trừ đi trước khi ký sổ khoán và hợp đồng giao khoán.

Con đường này là đất của Xí nghiệp cây công nghiệp mở đường đi cho các hộ có đất khoán ở xung quanh đó. Lối đi này không nằm trong phần đất giao khoán cho các hộ gia đình. Trước đây con đường này là lối đi chung của các hộ gia đình gồm có: Tôi (M), ông B, ông X, bà S và gia đình ông Vũ Đức M (vợ là Đặng Thị N); tôi là người dải cấp phối con đường này từ năm 1996.

Tôi khẳng định: Đường đi rộng 3 mét, dài khoảng 200 mét đi vào đến tường bao vườn ươm của Xí nghiệp cây công nghiệp là lối đi chung; lối đi này không nằm trên phần đất được giao khoán cho ông B và ông X.

Để Tòa án có cơ sở giải quyết khách quan, tôi đề xuất với Tòa án: Xác định lại toàn bộ diện tích đất sản xuất của hộ ông B và ông X, bà S đang quản lý sử dụng (kể cả phần diện tích đã bán và giải tỏa), sau đó đối chiếu với diện tích đất trong sổ khoán của Công ty cây công nghiệp để xác định lối đi trên là đất của ai.

Tại các biên bản hòa giải tại Tòa án bà Nguyễn Thị S không nhất trí mở lối đi cho gia đình bà Trần Thị H đi qua và đề nghị bà H phải bồi thường thiệt hại số tiền do bà H đã phá tường, cây, giá trị thiệt hại đã được Hội đồng định giá là 3.876.000 đồng. Đề nghị thẩm định lối đi có hàng nhãn của gia đình bà Trần Thị H để bà H mở đường cho thuận tiện và đo xác định lại đất của ông B, làm rõ việc lập sơ đồ địa chính năm 1997.

Ngày 02/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành thẩm định tại chỗ lỗi đi đang tranh chấp và xác định:

Đường đang tranh chấp là đường xóm chiều dài 159,2m (tính từ đường nhựa đến tường rào xây chắn lối đi của bà S) hai đoạn hình chữ L; đầu ngõ rộng 4,2m cuối ngõ rộng 2,9m:

Đoạn một: Có chiều dài 25m; phía Tây giáp thửa số 13 vườn ươm của Công ty dài 25m; phía Đông giáp đất bà S dài 22m, rộng 2,9 m; phía Bắc giáp đất bà H. Ngăn cách giữa đất bà H, bà S đã xây tường ngăn. Hiện nay bà H đã đập tường để thông đường.

Đoạn hai: Có chiều dài 137,2m; phía Nam giáp thửa số 11 ông Đặng Văn H và bà Chu Thị N; phía Bắc giáp thửa bà Nguyễn Thị S và ông Hoàng Liên X dài 134,3 m. Có chiều rộng ở vị trí 05 khúc khác nhau như sau:

- Khúc 1: Là đường đất tiếp nối đoạn 1. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Từ đầu mép hiên nhà đến cổng dài 09m, từ mép hiên nhà đến bờ tường bao là 2,9m (11,9m). Phía Bắc giáp đất bà S từ đầu mép hiên nhà đến cổng dài 09m. Phía Đông tiếp nối đoạn 3 có chiều rộng dài 2,9m. Phía Tây giáp vườn ươm. Hiện trạng trên đất: có 05 cây cau, 01 cây vú sữa, 02 cây bơ, 01 cây chùm ngây.

- Khúc 2: Là đường bê tông kéo dài đến chân cổng dài 34m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất bà S. Phía Đông tiếp nối đoạn 4 chiều rộng dài 3m. Phía Tây tiếp nối đoạn 2 có chiều rộng dài 2,9m.

- Khúc 3: Là đường lát gạch dài 13,4m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất bà S. Chiều rộng phía Đông tiếp nối đoạn 5 rộng 2,9m. Phía Tây tiếp nối đoạn 3 chiều rộng dài 3m.

- Khúc 4: Là đường lát gạch dài 70,9m, Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất ông X; chiều rộng phía Đông tiếp giáp đoạn 6 dài 3,5m; chiều rộng phía Tây tiếp nối đoạn 4 dài 2,9m.

- Khúc 5: Là đoạn đường rải đá cấp phối dài 7m, Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất ông X. Chiều rộng Phía Đông giáp đường nhựa dài 4,2m, Chiều rộng phía Tây tiếp nối đoạn 5 chiều rộng dài 3,5m. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, bà S đã lắp thêm cổng phần tiếp giáp giữa đầu lối đi giáp với đường nhựa.

* Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát thành phố Đ: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án việc tuận theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong qua trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự Đại diện VKS thành phố Đ có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và việc bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung (theo kết quả thẩm định tại chỗ), tháo dỡ các công trình trên lối đi chung (tường bao, cây cối, cổng).

2. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

* Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về phần bồi thường thiệt hại, buộc bà Trần Thị H phải bồi thường ½ thiệt hại gây ra là 1.938.000 đồng.

* Chấp nhận việc rút yêu cầu xem xét việc lập sơ đồ địa chính năm 1997 tại phiên tòa.

* Không chấp nhận yêu cầu mở đường đi mới cho nhà bà H theo lối đi có rặng nhãn phía Tây giáp tường bao đường của Doanh trại R và phía Đông giáp tường bao vườn ươm của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên.

* Không chấp nhận lối đi hiện nay do nhà bà S tự mở bằng đất được giao khoán.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017
Quyết định:

Áp dụng khoản 6, khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 254; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và việc bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của bà Trần Thị H về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất (Lối đi chung), buộc tháo dỡ các công trình trên đất".

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H theo Biên bản thẩm định ngày 02/8/2017 đã thể hiện như sau: Lối đi (phía Đông giáp đường nhựa, phía Tây một bên giáp thửa đất số 13 và một bên giáp nhà bà S, phía Nam giáp với nhà ông B cũ nay là nhà ông H và bà N đã xây cột và rào lưới B40 cố định hết chiều dài giáp ranh, phía Bắc giáp đất nhà ông X, bà S), được chia làm 06 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ mép tường bị đập vỡ đến mép hiên trái đằng sau các công trình xây dựng nhà bà S: dài 25m, rộng 2,9m. Phía tây giáp đất của vườn ươm Công ty.

+ Đoạn 2 là đường đất, hiện trạng trên có 05 cây cau, 01 cây vú sữa, 02 cây bơ, 01 cây chùm ngây. Từ đầu mép hiên nhà đến cổng dài 09m, từ mép hiên nhà đến bờ tường bao là 2,9m, rộng 2,9m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất bà S.

+ Đoạn 3 là đường bê tông kéo dài đến chân cổng dài 34m, rộng 3m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất bà S.

+ Đoạn 4 là đường lát gạch kéo dài đến giáp đất của ông X dài 13,4m, rộng 2,9m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất bà S.

+ Đoạn 5 là đường lát gạch dài 70,9m, rộng 3,5m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất ông X.

+ Đoạn 6 là đoạn đường rải đá cấp phối dài 7m, rộng 4,2m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất ông X. Phía Đông giáp đường nhựa.

Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, bà S đã lắp thêm cổng phần tiếp giáp giữa đoạn 6 với đường nhựa. Cụ thể các mặt tiếp giáp như sau:

+ Phía Tây giáp thửa số 13 vườn ươm của Công ty;

+ Phía Nam giáp thửa số 11 ông Đặng Văn H và bà Chu Thị N;

+ Phía Bắc giáp thửa bà Nguyễn Thị S và ông Hoàng Liên X;

+ Phía Đông giáp đường nhựa.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ toàn bộ cây cối, công trình, vật kiến trúc do bà S đã xây dựng trên diện tích lối đi trên để trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị S về phần bồi thường thiệt hại. Buộc bà Trần Thị H phải bồi thường 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị S.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không trả cho bà S khoản tiền trên thì bà H còn phải trả cho bà S khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Bác những yêu cầu sau của bà Nguyễn Thị S vì không có căn cứ:

- Phần yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng)

- Mở lối đi có hàng nhãn cho gia đình bà Trần Thị H; phía Tây giáp tường bao đường của Doanh trại quân đội R; phía Đông giáp tường bao vườn ươm của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên.

- Làm rõ phần diện tích đất nhà ông B giáp danh với đất nhà bà S đã cùng nhau bỏ ra mỗi nhà một hàng cây cafe vào năm 1996 đã bị ông B lấy lại khi trả đất khoán.

4. Đình chỉ yêu cầu xem xét việc lập sơ đồ địa chính năm 1997 của bà Nguyễn Thị S.

5. Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận, 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường không được tòa án chấp nhận và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạnh đối với các yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001503 ngày 11/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; bà S còn phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường của bà S được Tòa án chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001311 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí thẩm định và định giá của các đương sự.

"Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

6. Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Ngày 06/12/2017, bị đơn Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ các nội dung của bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, trừ nội dung "Đình chỉ yêu cầu xem xét việc lập sơ đồ địa chính năm 1997 của bà Nguyễn Thị S".

Trước khi mở phiên tòa ngày 06/4/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Liên X có đơn đề nghị gửi chánh án tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Chánh án tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có công văn số 12/TA-HCTP ngày 10/4/2018 trả lời đơn đề nghị và chuyển cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa xem xét giải quyết nội dung: Yêu cầu Tòa án thẩm tra lại đường đi cũ của nhà bà H có chiều dài khoảng 100m, rộng 2.05m mà các cơ quan liên quan đã thẩm tra cùng Tòa án nhân dân thành phố.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố. Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

-Kiểm sát viên tại phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Đơn kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: Đất ông X, bà S, bà H sử dụng và đang có tranh chấp là đất sản xuất trồng cây lâu năm thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường T1, các đương sự không có quyền sử dụng đất. Chỉ có quyền khai thác theo hợp đồng đã ký trong thời hạn 50 năm. Căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng năm 2000 và bản đồ địa chính giải thửa năm 1997, năm 2010 và bản đồ địa chính giải thửa năm 2013 thực hiện giao đất từ xí nghiệp chế biến nông sản Điện Biên cho Ủy ban nhân dân thành phố Đ quản lý thể hiện lối đi đang tranh chấp đã có và được sử dụng. Cấp sơ thẩm buộc bà S phải trả lại lối đi chung là có căn cứ. Về khoản tiền bồi thường thiệt hại các bên đương sự đều có lỗi nên cấp sơ thẩm buộc cùng chịu trách nhiệm là phù hợp. Nên nội dung kháng cáo của bà S không có căn cứ chấp nhận.

Xét các nội dung bản án sơ thẩm thấy:

- Cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật nên áp dụng pháp luật làm căn cứ áp dụng không đúng. Vụ kiện yêu cầu mở lối đi chung là tranh chấp sử dụng đất sử dụng vào mục đích công cộng. Căn cứ vào Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ, nghị định về xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân. Nhưng trong vụ án có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vậy đề nghị không hủy án sơ thẩm.

- Cấp sơ thẩm xác định việc bà S có yêu cầu phản đối yêu cầu (mở lối đi có hàng cây nhãn cho bà H. Yêu cầu xem xét diện tích đất của ông B). Là yêu cầu phản tố là chưa đúng tố tụng.

- Cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu xem xét việc lập bản đồ giải thửa năm 1997 chưa đúng với tố tụng hành chính. Vì việc lập bản đồ giải thửa năm 1997 không phải là quyết định hành chính cá biệt thuộc trường hợp phải hủy bỏ khi giải quyết vụ án dân sự. Bản đồ giải thửa năm 1997 là tài liệu quản lý đất đai của cơ quan nhà nước. Việc khởi kiện văn bản này phải được thực hiện theo đúng Tố tụng hành chính. Đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết và trả lại đơn yêu cầu do không có căn cứ khởi kiện.

Căn cứ vào điều 309/LTTDS; Điều 214/LTTHC; Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DSTC-ST, ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp quyền được sử dụng lối đi chung" của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị S và "Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản"của bà Nguyễn Thị S đối với bà Trần Thị H do bà H mở lối đi gây thiệt hại.

Tòa án nhân dân thành phố Đ căn cứ vào quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; thụ lý vụ án, giải quyết nội dung là đúng thẩm quyền giải quyết. Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành thu thập chứng cứ, đúng quy định tố tụng.

[2] Xét kháng cáo thấy: Về hình thức kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có quyết định số 02/2017/QĐ-PT ngày 11/01/2018 "Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn".

Về nội dung kháng cáo thấy:

[2.1] Kháng cáo nội dung quyết định bản án tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và việc bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của bà Trần Thị H về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất (Lối đi chung), buộc tháo dỡ các công trình trên đất". Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H theo Biên bản thẩm định ngày 02/8/2017...Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ toàn bộ cây cối, công trình, vật kiến trúc do bà S đã xây dựng trên diện tích lối đi trên để trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H).

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy:

Căn cứ vào tờ bản đồ 313C bản đồ giải thửa của Sở địa chính Lai Châu (nay là Điện Biên). Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2010 của sở tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên lập hồ sơ địa chính thành phố Đ. căn cứ vào quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên đang sử dụng tại địa bàn các phường: T1, B, N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Giao đất cho UBND thành phố Đ quản lý sử dụng theo quy hoạch. Căn cứ lời khai và chứng cứ của các đương sự (Công ty chế biến nông sản Điện Biên, Ủy ban nhân dân phường T1).Thì lô đất cánh quạt phía Nam Cảng hàng không Điện Biên, là đất giao khoán 50 năm trồng cây lâu năm và giao khoán giao nộp sản theo vụ tính từ tháng 01 năm 1995; Trước năm 2013 thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty chế bến nông sản Điện Biên (tên pháp nhân trước đó của Công ty này là công ty cây công nghiệp, xí nghiệp cây công nghiệp). Theo quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên "Về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên đang sử dụng tại địa bàn các phường: T1, B, N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Giao đất cho UBND thành phố Đ quản lý, sử dụng theo quy hoạch". Từ sau ngày 20/12/2013 đến nay thuộc quyền quản lý của UBND phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Các hộ gia đình nhận khoán không có quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ quản lý đất giao khoán của công ty chế biến nông sản thể hiện đất ông Hoàng liên X nhận khoán như sau:

* Ngày 15/7/1995 Hộ gia đình ông Hoàng Liên X ký hợp đồng cung ứng dịch vụ sản xuất cây công nghiệp với Xí nghiệp cây công nghiệp: Xác định diện tích là 0,27ha. Khi nhận thực hiện cung ứng dịch vụ năm 1995 chưa có hồ sơ địa chính bản đồ quy thửa diện tích đất giao khoán. Năm 1997 sở địa chính tỉnh Lai châu (cũ) và Ủy ban nhân dân xã L xây dựng hồ sơ quản lý đất đai. Diện tích đất nhận khoán của ông Hoàng Liên X theo theo tờ bản đồ địa chính số 313C năm 1997 là thửa số 55d diện tích 2.600m^2.

* Ngày 01/01/2000 Ông Hoàng Liên X tiếp tục ký hai hợp đồng nhận khoán đất với công ty cây công nghiệp Điện Biên:

- Theo bản hợp đồng số 133/HĐK-CTCCNNgày 01/01/2000 hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm xác định diện tích nhận khoán là 0,18 ha; thời hạn 50 năm, thời hạn tính từ ngày 01/7/1995:

- Theo bản hợp đồng số 133/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000 hợp đồng khoán đất trồng cây hàng năm xác định diện tích nhận khoán là 0,136 ha. Thời gian giao khoán (Bên giao khoán giao khoán đất nông nghiệp cho bên nhận khoán theo phương án khoán của công ty). Sau 30 ngày tình từ lúc thu hoạch nếu:

Bên nhận khoán giao nộp đủ nghĩa vụ được tiếp tục nhận khoán trên diện tích đó.

Bên nhận khoán không giao nộp đủ nghĩa vụ thì bên giao khoán thu lại diện tích đất đã giao khoán).

Diện tích nhận khoán của ông X theo hai hợp đồng là 0,316ha.

* Theo "Phiếu xác minh v/v sửa đổi, bổ sung thông tin nhân thân, diện tích đất sản xuất nông nghiệp thuộc Công ty quản lý của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Công ty giao khoán" ngày 25/12/2013 giữa Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên với ông Hoàng Liên X thì số diện tích đất thể hiện theo danh sách nhận khoán tại đội sản xuất số 1 là 3160m^2. Trừ diện tích 520m^2 đất đã thu hồi làm hàng rào và đường công vụ Cảng hàng không. Số diện tích đất thể hiện theo hợp đồng nhận khoán là 2640m^2;

Căn cứ vào Bản đồ địa chính năm 2010 là các thửa 111: diện tích 372,4m^2; thửa 112: diện tích 193,2m^2; thửa 113: diện tích 1151,7m^2; thửa 114: diện tích 159,7m^2; thửa 12 diện tích 1519,8m^2; Tổng diện tích xác định trong bản đồ địa chính năm 2010 của ông X đang sử dụng là 3396,8m^2;

Căn cứ vào biểu tổng hợp diện tích các thửa đất thu hồi của công ty chế biến nông sản Điện Biên giao cho UBND thành phố Đ quản lý theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Điện Biên kèm theo "Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thu hồi đất của công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên đang sử dụng tại địa bàn các phường: T1, B, N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Giao đất cho UBND thành phố Đ quản lý sử dụng theo quy hoạch". Cũng xác định các thửa 111: diện tích 372,4m^2; thửa 112: diện tích 193,2m^2; thửa 113: diện tích 1151,7m^2; thửa 114: diện tích 159,7m^2; thửa 12: diện tích 1519,8m^2;

Năm 1995 ông Hoàng Liên X thay mặt hộ gia đình ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với Xí nghiệp cây công nghiệp sử dụng 0,27ha đất cây lâu năm. Ông X và bà Nguyễn Thị S thuận ly hôn Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 23/QĐTTLH ngày 14/11/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Đ. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 23/QĐTTLH ngày 14/11/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Đ trong số tài sản được công nhận trong thỏa thuận bà Nguyễn Thị S được sử dụng 2000m^2 đất cafe nhận khoán của Nông Trường vị trí được xác định: Phía Tây giáp mặt đường quốc lộ, phía Nam giáp nhà ông Đ, phía Đông giáp đất nhà ông V, phía Bắc giáp đất ông T. Ông X được sử dụng 1600m^2 đất trồng cafe phía Bắc giáp sân bay, phía Tây giáp vườn ươm Xí nghiệp, phía Đông giáp đường quốc lộ, phía Nam giáp vườn cafe chị M. Tại đơn đề nghị của ông Hoàng Liên X gửi cho lãnh đạo Xí nghiệp cây công nghiệp Lai Châu (Đơn đề nghị không ghi ngày, tháng) nhưng nội dung ghi (do ông và bà Nguyễn Thị S đã ly hôn nên ông đề nghị chia đất khoán cây cafe với Xí nghiệp như sau): 1000m^2 đất mầu phía Bắc giáp đất ông V, phía Tây giáp đường cái, phía Đông giáp suối, phía Nam giáp đất ông B giao cho bà S quản lý. Đất cafe

2600m^2 được chia: 1000m^2 phía Bắc giáp suối, phía Nam giáp đất ông B, phía Tây giáp vườn ươm xí nghiệp, phía Đông giáp đất ông X. 2000m^2 đất cafe đươc giao cho bà S theo Quyết định của Tòa án tức là 1000m^2 đất mầu trong đơn đề nghị của ông X đã được thu hồi làm công trình. Còn 1000m^2 đất cafe được ông X chia trong đơn đề nghị bà S quản lý và sử dụng đến ngay. Do Xí nghiệp cây công nghiệp không tách hợp đồng khoán của ông X cho bà S đứng tên nên trong các hợp đồng nhận khoán đều đứng tên ông X nhưng bà S nộp sản phẩn diện tích được ông X chia. Khi lập bản đồ hồ sơ quản lý đất đai năm 2010 tại tờ bản đồ số 01 đất bà S sử dụng được xác định thửa số 12 với tổng diện tích 1519,8m^2.

Từ các chứng cứ nêu trên xác định diện tích đất nhận khoán của ông Hoàng Liên X đang sử dụng so với diện tích đất nhận giao khoán theo 02 bản Hợp đồng khoán đất số133/HĐK-CTCCN, ngày 01/01/2000 Ông Hoàng Liên X ký với Công ty cây công nghiệp Điện Biên thừa so với hợp đồng nhận khoán.

- Căn cứ vào sự trình bày của người làm chứng ông Phạm Tiến M người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Liên X, ông Nguyễn Xuân B thì Năm 1996 các ông thỏa thuận mở đường để phục vụ sản xuất trên diện tích đất nhận khoán của ông B và ông X. Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai thấy: Năm 1997, Sở địa chính Lai Châu ban hành tờ bản đồ số 313c quản lý đất đai thể hiện lối đi do ông Phạm Tiến M, ông Hoàng Liên X, ông Nguyễn Xuân B mở năm 1996 là đất đường đi của các hộ trong khu vực. Đất đường đi bao dọc cạnh phía Nam và phía Tây lô đất giao cho hộ ông X và thửa số 12 của bà S cũng như các thửa phía trong. Diện tích đường đi không nằm trong diện tích khu đất trồng cây lâu năm giao khoán cho hộ ông X và bà S và các hộ sử dụng đất khoán. Tại bản đồ số 01 đo đạc năm 2010 cũng như trích lục bản đồ khu đất thu hồi của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên bàn giao cho UBND thành phố tại địa bàn phường T1 (Trích lục năm 2013) đều thể hiện từ đường nhựa vào đến hết đất của bà S sử dụng có đường đi. Căn cứ vào chứng cứ nêu trên đủ chứng cứ đất làm lối đi là đất sử dụng vào mục đích công cộng quy định tại Điều 58 Luật đất đai năm 1993 và điểm e khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2013. Không thuộc đất giao khoán sản xuất. Vì vậy, ý kiến của bà Nguyễn Thị S cho rằng đất lối đi bà S đang sử dụng là đất bà S và ông Hoàng Liên X nhận khoán của xí nghiệp cây công nghiệp từ năm 1995 cho ông M mượn, đến nay vẫn thuộc đất nhận khoán sản xuất là không phù hợp với thực tế.

Năm 2001, bà H nhận chuyển nhượng của ông M, bà H không đi nên bà S lấy lại là không có căn cứ. Từ năm 1996 đến năm 2007 lối đi chung được mọi người tôn trọng và sử dụng chung. Từ khoảng năm 2007 do các hộ gia đình phía giáp R của bộ đội đi nhờ đường của doanh trại quân đội đồng thời các hộ gia đình

có lối đi chung trong đó có hộ bà H và bà S đã rào lối đi và lấn đất đường đi sử dụng vào mục đích riêng. Nên theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 lối đi chỉ đến tường rào của bà S xây ngăn lối đi tiếp giáp với đất bà H. Hành vi xây tường rào và sử dụng đất vào mục đích công cộng (lối đi chung) của bà S và bà H là hành vi lấn chiếm đất. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai "Lấn đất là việc người đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất". Vì vậy phải được khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 103 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 (khoản 5: Biện pháp khắc phục hậu quả: b) Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm đối với hành vi quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều này).

Từ các chứng cứ nêu trên cấp sơ thẩm xác định đất đang tranh chấp là lối đi chung (Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H theo "Biên bản thẩm định ngày 02/8/2017...Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ toàn bộ cây cối, công trình, vật kiến trúc do bà S đã xây dựng trên diện tích lối đi trên để trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H" là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo nội dung này.

[2.2] Về kháng cáo nội dung:

Bác những yêu cầu sau của bà Nguyễn Thị S vì không có căn cứ:

Phần yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng); Mở lối đi có hàng nhãn cho gia đình bà Trần Thị H; phía Tây giáp tường bao đường của Doanh trại quân đội D40; phía Đông giáp tường bao vườn ươm của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên; Làm rõ phần diện tích đất nhà ông B ráp gianh với đất nhà bà S đã cùng nhau bỏ ra mỗi nhà một hàng cây cafe vào năm 1996 đã bị ông B lấy lại khi trả đất khoán.

[2.2.1] Về nội dung kháng cáo, bác phần yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Theo đơn phản tố của bà S ngày 08/8 2017 bà yêu cầu bà H phải có trách nhiệm bồi thường 3.876.000, đồng (Ba triệu tám trăm bẩy mươi sáu ngàn đồng chẵn) về việc bà H đã đập tường bà xây chắn lối đi, cây trồng trên đất đường đi Theo kết luận của Hội đồng định giá thiệt hại thấy: Bà S và bà H đều trình bày: Trước năm 2007, bà H vẫn đi chung lối đi. Từ năm 2007, khi doanh trại quân đội làm đường của đơn vị, do lối đi của đơn vị quân đội thuận tiện hơn lối đi chung nên chị H đã chuyển sang đi nhờ lối đi của đơn vị quân đội. Khi bà H không đi lối đi chung thì bà S đã xây tường ngăn lối đi và trồng cây lên và để các chậu cây cảnh lên lối đi. Năm 2017,

đơn vị quân đội xây tường rào đơn vị chị H không đi nhờ được quay sang yêu cầu bà S mở lại lối đi nhưng bà S không nhất trí nên bà H đã đập tường và phá cây trên lối đi do bà S trồng. Tổng thiệt hại 3.876.000,đồng. Cấp sơ thẩm xác định bà H và bà S đều có lỗi. Buộc các bên chịu 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) giá trị thiệt hại là có căn cứ. Từ các chứng cứ nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[2.2.2] Về nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm bác yêu cầu của bà S:

- Mở lối đi có hàng nhãn cho gia đình bà Trần Thị H; phía Tây giáp tường bao đường của Doanh trại quân đội D40; phía Đông giáp tường bao vườn ươm của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên; Ngày 03/8/2017 chị S có đơn yêu cầu Tòa án xem xét mở lối đi có hàng nhãn cho gia đình bà Trần Thị H; và xem lại diện tích đất của ông B để chứng minh cho trình bày, không nhất trí trả lại lối đi theo yêu cầu khởi kiện. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào ý kiến đề nghị của bà S xác định là yêu cầu phản tố và tiến hành thụ thụ lý bổ sung theo thông báo thụ lý số 35/TB-TA ngày 11/8/2017 là không đúng trình tự quy định tại điều 195/BLTTDS. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217/BLTTDS cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với hai yêu cầu này do cấp sơ thẩm thụ lý không đúng tố tụng dân sự. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận hai yêu cầu kháng cáo này của bà Nguyễn Thị S.

[3] Xem xét toàn bộ bản án có liên quan đến nội dung kháng cáo thấy:

[3.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Cấp sơ thẩm xác định tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) của bà H và bà S. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 254 quy định về "Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" và tuyên buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H theo biên bản thẩm định ngày 02/8/2017...Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ toàn bộ cây cối, công trình, vật kiến trúc do bà S đã xây dựng trên diện tích lối đi trên để trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H.

Lối đi chung theo quy định quy định tại Điều 58 Luật đất đai năm 1993 và Điểm e khoản 2 điều 10 Luật đất đai 2014 là "Đất sử dụng vào mục đích công cộng.Các đương sự chỉ được sử dụng lối đi, không có quyền sử dụng đất". Vì vậy, tranh chấp trên là tranh chấp quyền sử dụng lối đi giữa bà H và bà S. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 254 quy định về Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề buộc bà S phải trả lại lối đi chung và tháo dỡ toàn bộ cây cối, công trình, vật kiến trúc do bà S đã xây dựng trên diện tích lối đi là áp dụng không đúng điều luật điều chỉnh quan hệ tranh chấp và nội dung đã tuyên. Vì lối đi chung là đất sử dụng vào mục đích công cộng quy định tại Điều 58 Luật đất dai năm 1993 và điểm e khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2013. Người nào sử dụng đất sử dụng vào mục đích công cộng trái phép theo quy định điều 12 Luật đất đai mới buộc tháo dỡ các công trình trên đất. Căn cứ vào quy định tại Điều 58 Luật đất đai năm 1993 và điểm e khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2013 thì đất dùng làm lối đi chung là đất sử dụng vào mục đích công cộng. Căn cứ vào điều 155 luật đất đai

năm 2013 và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của chính phủ quy định: Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai "thì thẩm quyền quản lý và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền của Ủy Ban nhân dân phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thành phố còn thụ lý yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26/BLTTDS nên không hủy án sơ thẩm để trả hồ sơ cho UBND phường giải quyết theo thẩm quyền.Từ căn cứ nêu trên cần sửa một phần bản án về áp dụng pháp luật và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3.2] Quyết định Bản án sơ thẩm số: 01/2017/DSTC-ST ngày: 30/11/2017 tuyên "Đình chỉ yêu cầu xem xét việc lập sơ đồ địa chính năm 1997 của bà Nguyễn Thị S". Căn cứ vào chứng cứ hồ sơ thấy: ngày 03/8/2017 bà S có đơn yêu cầu Tòa án làm rõ việc lập hồ sơ địa chính năm 1997, vì bà S cho rằng năm 1995 gia đình bà nhận khoán đất đến năm 1997 lập hồ sơ quản lý đất đai đã xác định đất nhận khoán của bà là lối đi. Ngày 11/8/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu này theo thông báo thụ lý số 35/TB-TA và xác định pháp nhân tham gia tố tụng là Ủy ban nhân dân phường T1. Việc hồ sơ địa chính năm 1997 là lập hồ sơ địa chính về quản lý đất đai của cơ quan có thẩm quyền theo quy định luật đất đai năm 1993. Bản đồ địa chính là tài liệu quản lý nhà nước về quản lý đất đai không thuộc quyết định cá biệt. Năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Sở tài nguyên và môi trường đã phê chuẩn bản đồ địa chính năm 2010. Vì vậy việc khiếu nại của bà S đối với việc lập bản đồ địa chính năm 1997 của tỉnh Lai Châu (cũ) không đúng trình tự khiếu nại, thời hạn khiếu nại đã hết. Cơ quan ban hành quyết định bị khiếu nại trong đơn không được xác định. việc thụ lý khởi kiện hành chính của cấp sơ thẩm thuộc trường hợp phải trả lại đơn khởi kiện do người khởi kiện không có quyền khởi kiện quy định tại điều 123/LTTHC. Cấp sơ thẩm thụ lý nội dung yêu cầu không được thụ lý để giải quyết theo quy định tố tụng là vi phạm tố tụng hành chính. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu này và trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm h, g khoản1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính.

[3.3] Cấp sơ thẩm xác định đất đang tranh chấp là lối đi chung (Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H theo Biên bản thẩm định ngày 02/8/2017...Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ toàn bộ cây cối, công trình, vật kiến trúc do bà S đã xây dựng trên diện tích lối đi trên để trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H).Tuy nhiên qua thẩm định một số đoạn đường đi bà S đã lát gạch hoặc đổ bê tông nâng cấp đường đi là xây dựng gắn liền với đường không thể buộc bà S tháo dỡ. Cấp sơ thẩm tuyên buộc tháo dỡ toàn bộ mà không xác định cụ thể phải tháo dỡ những công trình nào là chưa phù hợp với thực trạng của đường đi. Cần sửa bản án để xác định buộc bà S tháo dỡ tường ngăn lối đi, cổng, cây trồng trên đường đi. Và di dời các chậu cây trên đường đi.

[4] Kiến nghị: Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai thì lối đi chung đang tranh chấp đã được thể hiện và sử dụng từ năm 1997. Căn cứ vào các chứng cứ của vụ kiện dân sự đã thu thập được thì lối đi (đất sử dụng vào mục đích công

cộng) đã được thể hiện và sử dụng ổn định đến năm 2007. Do quản lý lỏng lẻo của cơ quan có thẩm quyền đã để các hộ gia đình lấn, chiếm, sử dụng trái phép "Đất sử dụng vào mục đích công cộng" mà không bị xử lý là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa các hộ sử dụng lối đi và cũng là nguyên nhân làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất lối đi. Yêu cầu Ủy ban nhân phường T1 có biện pháp buộc các hộ gia đình đã lấn chiếm trả lại diện tích đất bị lấn chiếm và quản lý theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Cấp sơ thẩm tuyên: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.00, đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận 300.000, đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận và 300.000, đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạnh đối với các yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001503 ngày 11/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; bà S còn phải nộp 600.000, đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000, đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường của bà S được tòa án chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001311 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm xác định đình chỉ đối với nội dung:

- Đình chỉ đối việc thụ lý hai yêu cầu: Kiến nghị mở lối đi khác cho bà H; Xem xét diện tích đất ông B nhận khoán năm 1995.

- Đình chỉ trả lại đơn khởi kiện việc cấp sơ thẩm thụ lý khiếu kiện sơ đồ địa chính năm 1997 của sở địa chính tỉnh Lai Châu (cũ).

Vì vậy bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí sơ thẩm 300.000, đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạnh đối với các yêu cầu phản tố (kiến nghị mở lối đi khác cho bà H; Xem xét diện tích đất ông B nhận khoán năm 1995). Không được chấp nhận như án sơ thẩm đã tuyên. Cần sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 144/ LTTHC; Khoản 2 Điều 218 LTTDS; khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thì các đương sự phải chịu án phí như sau:

[5.1] Án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu mở lối đi chung của bà H được Tòa

án chấp nhận; 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được tòa án chấp nhận.

- Bà Trần Thị H phải chịu 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường của bà S được tòa án chấp nhận.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Tuy nội dung kháng cáo của bà S không được chấp nhận nhưng bản án sơ thẩm bị sửa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 148/LTTDS bà S không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả cho bà S dự phí phúc thẩm đã nộp và được khấu trừ vào tiền án phí sơ thẩm bà S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 308;309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 214/LTTHC; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DSTC-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ như sau:

1. Áp dụng khoản 6, khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 164; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 123; điểm h,g khoản1 Điều 143/LTTHC; điểm e khoản 2 Điều 10;điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; điểm b khoản 5 Điều 103 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 quy định xử lý vi phạm về đất đai.Áp dụng khoản 4 Điều 147;khoản 2 Điều 148;Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và việc bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên Tòa của bà Trần Thị H về quyền sử dụng lối đi chung, buộc tháo dỡ tường rào chắn lối đi, cổng và di dời cây trồng, thẩu cảnh trên đất lối đi.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H theo Biên bản thẩm định ngày 02/8/2017 (Có sơ đồ thẩm định kèm theo), thể hiện như sau:

Đường đang tranh chấp là đường xóm chiều dài 159,2m (tính từ đường nhựa đến tường xây chắn đường của chị S).hai đoạn hình chữ L; đầu ngõ rộng 4,2m cuối ngõ rộng 2,9m.

Đoạn một: Có chiều dài 25m; Phía Tây giáp thửa số 13 vườn ươm của Công ty dài 25m;Phía Đông giáp đất bà S dài 22m, rộng 2,9m. Phía Bắc giáp đất bà H. Ngăn cách giữa đất bà H bà S đã xâytường ngăn. Hiện nay bà H đã đập tường để thông đường.

Đoạn hai có chiều dài: Phía Nam giáp thửa số 11 ông Đặng Văn H và bà Chu Thị N, dài 137,2m; Phía Bắc giáp thửa bà Nguyễn Thị S và ông Hoàng Liên X dài 134,3m. Có chiều rộng ở vị trí 05 khúc khác nhau như sau:

Khúc 1: Là đường đất tiếp nối đoạn 1; Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N.Từ đầu mép hiên nhà đến cổng dài 09m, từ mép hiên nhà đến bờ tường bao là 2,9m (11,9m). Phía Bắc giáp đất bà S từ đầu mép hiên nhà đến cổng dài 09m. Phía Đông tiếp nối đoạn 3 có chiều rộng 2,9m; phía Tây giáp vườn ươm. Hiện trạng trên đất có: 05 cây cau, 01 cây vú sữa, 02 cây bơ, 01 cây chùm ngây.

- Khúc 2: Là đường bê tông kéo dài đến chân cổng dài 34m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất bà S. Phía Đông tiếp nối đoạn 4 chiều rộng dài 3m. Phía Tây tiếp nối đoạn 2 có chiều rộng dài 2,9m.

- Khúc 3: Là đường lát gạch dài 13,4m. Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N; Phía Bắc giáp đất bà S. Chiều rộng phía Đông tiếp nối đoạn 5 rộng 2,9m. Phía Tây tiếp nối đoạn 3 chiều rộng dài 3m.

- Khúc 4: Là đường lát gạch dài 70,9m, phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất ông X; chiều rộng phía đông tiếp giáp đoạn 6 dài 3,5m. chiều rộng phía tây tiếp nối đoạn 4 dài 2,9m.

- Khúc 5: Là đoạn đường rải đá cấp phối dài 7m, Phía Nam giáp thửa số 11 của ông H và bà N. Phía Bắc giáp đất ông X. Chiều rộng phía Đông giáp đường nhựa dài 4,2m, chiều rộng phía Tây tiếp nối đoạn 5 chiều rộng dài 3,5m.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ toàn bộ cây cối, tường rào chắn lối đi tại gianh giới đất bà H và bà S, cổng do bà S đã xây dựng ở đầu lối đi giáp đường nhựa, trả lại lối đi chung cho gia đình bà Trần Thị H.

2. Bồi thường:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị S về phần bồi thường thiệt hại. Buộc bà Trần Thị H phải bồi thường 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị S.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không trả cho bà S khoản tiền trên thì bà H còn phải trả cho bà S khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị S.

3.Đình chỉ và trả lại đơn khởi kiện:

3.1. Đình chỉ và trả lại đơn khởi kiện yêu cầu xem xét việc lập sơ đồ địa chính năm 1997 của bà Nguyễn Thị S.

3.2. Đình chỉ việc thụ lý giải quyết:

+Yêu cầu mở lối đi có hàng nhãn cho gia đình bà Trần Thị H; phía Tây giáp tường bao đường của Doanh trại quân đội R; phía Đông giáp tường bao vườn ươm của Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên.

+ Làm rõ phần diện tích đất nhà ông B ráp gianh với đất nhà bà S đã cùng nhau bỏ ra mỗi nhà một hàng cây cafe vào năm 1996 đã bị ông B lấy lại khi trả đất khoán.

4. Án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá 1.938.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu: 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận. 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường không được tòa án chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001503 ngày 11/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; bà S còn phải nộp 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị H phải chịu: 300.000, đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bồi thường của bà S được Tòa án chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001311 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí phúc thẩm: Bà nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho bà Nguyễn Thị S 300.000,0đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001637 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; Được khấu trừ vào 300.000,0 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm còn phải thi hành tại (mục 4.1 của bản án). Bà Nguyễn Thị S đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí thẩm định và định giá của các đương sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Kiến nghị: Đề nghị Ủy ban nhân phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có biện pháp buộc các hộ gia đình đã lấn chiếm đất lối đi "Đất sử dụng vào mục đích công cộng" đã được xác định tại bản án này, trả lại diện tích đất bị lấn chiếm và quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày26/4/2018) các đương sự không có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND thành phố. Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
-Tòa Dân sự TANDCC Tại HN
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quàng Văn Liêm